**Phụ lục 5**

**HƯỚNG DẪN, GIẢI THÍCH VỀ ĐIỀU TRA VÀ TỔNG HỢP SỐ LIỆU**

**1. Khái niệm giá sản xuất dịch vụ và chỉ số giá sản xuất dịch vụ**

- Giá sản xuất dịch vụ: Giá sản xuất dịch vụ (hay còn gọi là giá dịch vụ) là số tiền mà đơn vị sản xuất dịch vụ thu được khi bán (hoặc người sử dụng phải trả khi mua) một đơn vị sản phẩm dịch vụ. Giá sản xuất dịch vụ *không bao gồm* thuế VAT và các loại thuế sản phẩm khác, nhưng *bao gồm* các khoản trợ cấp sản xuất (nếu có). Giá sản xuất dịch vụ được thu thập theo từng loại sản phẩm dịch vụ có quy cách, phẩm cấp nhất định. Giá sản xuất dịch vụ là giá cơ bản.

Sơ đồ cấu thành của giá sản xuất dịch vụ

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi phí trung gian** | **Thu nhập của người lao động** | **Khấu hao TSCĐ** | **Thuế sản xuất** *được tính vào chi phí sản xuất* | **Thặng dư** *sản xuất* | + (Cộng với) **Trợ cấp sản xuất** |
| **Doanh thu thuần** | | | | |
| **Giá sản xuất dịch vụ - *giá cơ bản*** | | | | | |

Giá sản xuất dịch vụ được tính trên cơ sở: (1) *Doanh thu thuần* bao gồm chi phí trung gian (nguyên, nhiên, vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài,…), thu nhập của người lao động, khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), các loại thuế sản xuất được tính vào chi phí sản xuất (thuế môn bài, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất, các loại lệ phí coi như thuế,…) và thặng dư sản xuất; (2) Cộng với các khoản *trợ cấp sản xuất*.

Giá sản xuất dịch vụ không bao gồm các loại thuế sản phẩm như: thuế VAT, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và các loại thuế sản phẩm khác (thuế doanh thu, thuế khoán).

Giá sản xuất dịch vụ là giá cơ bản.Trong thực tế, giá cơ bản tương ứng với giá chưa tính thuế hay giá kê khai thuế (tức giá làm căn cứ để tính thuế) ghi trong ‘‘Hóa đơn giá trị gia tăng’’hoặc ‘‘Hóa đơn bán hàng’’ của cơ sở sản xuất, kinh doanh. Cách tính như sau:

*Giá thanh toán = giá chưa tính thuế + giá chưa tính thuế* x *% thuế suất*

*= giá chưa tính thuế* x  *(1+ % thuế suất)*

Giá chưa tính thuế (hay **giá cơ bản**) = Giá thanh toán : (1 + % thuế suất)

- Chỉ số giá sản xuất dịch vụ

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ (SPPI - hay còn gọi là chỉ số giá dịch vụ) là một chỉ tiêu tương đối (tính bằng %), phản ánh xu hướng và mức độ biến động của giá dịch vụ theo thời gian.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ được tính trên cơ sở quyền số cố định và giá bình quân của kỳ báo cáo so kỳ gốc năm 2015, kỳ trước, cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ phân theo 13 nhóm cấp 1, 37 nhóm cấp 2, 68 nhóm cấp 3, 87 nhóm cấp 4.

Trong 13 nhóm ngành dịch vụ cấp 1, có 12 ngành được tính toán từ kết quả điều tra giá sản xuất dịch vụ thời kỳ 2015-2020 và 01 ngành được tính toán từ kết quả điều tra giá vận tải kho bãi thời kỳ 2015-2020

**2. Xử lý một số trường hợp đặc biệt trong điều tra và tính toán chỉ số giá**

**Trường hợp 1:** *Đơn vị kinh doanh dịch vụ dùng ‘‘Hóa đơn giá trị gia tăng’’,* để tránh trường hợp giá ở bảng niêm yết, giá thanh toán trong hóa đơn đã bao gồm thuế VAT, điều tra viên cần trao đổi với người có trách nhiệm để chắc chắn giá trong phiếu điều tra là giá cơ bản (giá không bao gồm thuế VAT).

Ví dụ (1): Tại một khách sạn, bảng giá niêm yết ghi **550.000** đồng/phòng-ngày đêm. Khi thanh toán, nhân viên lễ tân trả cho khách Hóa đơn ghi như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hóa đơn giá trị gia tăng** Mẫu số: 01 GTKT-3LL  **Liên 2: Giao khách hàng**  *Ngày 05 tháng 1 năm xxxx*  **Đơn vị bán hàng**: Khách sạn xxxxxxx – Địa chỉ: xxx Đội Cấn - Hà Nội  Số tài khoản:……………………Điện thoại:04.xxxxxxxx  **Tên người mua hàng**: Công ty xxxxxxxx- Địa chỉ: 380 Lê Quang Định, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP HCM. Điện thoại: 091xxxxxxxx  Số tài khoản:…………………Hình thức thanh toán: Tiền mặt | | | | |
| Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá  (đồng) | Thành tiền  (đồng) |
| 1.Phòng 207-Nhà A | đồng/ngày đêm | 2 ngày | **500.000** | 1.000.000 |
|  |  |  |  |  |
| **Cộng tiền hàng:** |  |  |  | 1.000.000 |
| **Thuế suất GTGT:** 10% | **Tiền thuế** | **GTGT:** |  | 100.000 |
| **Cộng tiền thanh toán:** |  |  |  | 1.100.000 |
| **Số tiền viết bằng chữ**: | Một triệu, một trăm nghìn đồng./. | | |  |

Trong các loại giá trên, mức giá dịch vụ điều tra viên phải thu thập là giá chưa tính thuế (giá chưa có thuế VAT) là giá **500.000** đồng/ngày đêm.

Việc ghi giá cơ bản, tương đương với giá tính thuế trong thực tế sẽ căn cứ vào hóa đơn, chứng từ (tự in, điện tử, đặt in). Hiện nay, các đơn vị kinh doanh thường thông báo, đăng ký với Cơ quan thuế sử dụng một trong hai loại hóa đơn sau: ‘‘Hóa đơn giá trị gia tăng’’ hoặc ‘‘Hóa đơn bán hàng’’.

Trường hợp đơn vị *đăng ký kê khai thuế theo phương pháp khấu trừ* sử dụng ‘‘Hóa đơn giá trị gia tăng’’, hướng dẫn điều tra viên lấy giá cơ bản như sau: Trong các hóa đơn, thường ghi một trong hai loại giá là giá chưa tính thuế (giá chưa có thuế VAT) và giá thanh toán (giá đã có thuế VAT). Giá cơ bản tương ứng với dòng ghi giá chưa tính thuế (giá chưa có thuế VAT), cộng với các loại trợ cấp sản xuất (nếu có).

**Trường hợp 2:** *Đơn vị kinh doanh dịch vụ không đăng ký kê khai thuế theo phương pháp khấu trừ sử dụng ‘‘Hóa đơn bán hàng’’, chỉ ghi giá thanh toán (giá đã có thuế VAT)*. Điều tra viên lấy giá chưa tính thuế (giá cơ bản) như sau:

Căn cứ đơn giá trong hợp đồng, ghi giá thanh toán (giá đã có thuế VAT), sau đó ghi chú đã có thuế VAT 10% vào phiếu điều tra để khi nhập tin quy đổi về giá không bao gồm thuế VAT.

Ví dụ (2): Tại một tờ báo của địa phương, giá niêm yết ghi quảng cáo trên báo loại trang mầu, khổ ½ tờ báo, giá **1.650.000** đồng/lần. Khi ký hợp đồng và trả tiền thanh toán, khách hàng nhận được Hóa đơn ghi như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hóa đơn bán hàng** Mẫu số: ….  *Ngày 5 tháng 5 năm 2015*  **Đơn vị bán hàng**: Trung tâm quảng cáo Đài truyền hình xxxxxxx– Địa chỉ: 23 Lạc Trung, TPxxxx  Số tài khoản:……………………Điện thoại:04.xxxxxxxx  **Tên người mua hàng**: Công ty xxxxxxxx- Địa chỉ:103 Nguyễn Lương Bằng, TP xxxx. Điện thoại: 0511.xxxxxxxx  Số tài khoản:…………………Hình thức thanh toán: Tiền mặt | | | | |
| Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá  (đồng) | Thành tiền  (đồng) |
| Quảng cáo hình ảnh buổi giữa phim 6g30, kênh 1, thời lượng 30’’ | đồng/lần | 6 lần | 1.650.000 | 9.900.000 |
| ***(Trong đó đã có thuế*** | ***GTGT: 10%)*** | |  |  |
| **Cộng tiền thanh toán:** |  |  |  | 9.900.000 |
| **Số tiền viết bằng chữ**: | Chín triệu, chín trăm nghìn đồng./. | | |  |

Khi điều tra, chỉ thu thập được giá thanh toán, nên trong cột ghi chú phải ghi có thuế VAT **10%.** Việc nhập tin sẽ quy đổi từ giá thanh toán về giá chưa tính thuế như sau:

Giá chưa tính thuế (giá cơ bản) = Giá thanh toán: (1+**10%**)

= 1.650.000 đồng : (1+ 0,1) = **1.500.000 đồng**

Trong các loại giá trên, cán bộ thống kê tính được mức giá sản xuất dịch vụ là giá chưa tính thuế (giá cơ bản, chưa có thuế VAT) là **1.500.000** đồng/lần.

**Trường hợp 3:** *Đơn vị kinh doanh dịch vụ dùng ‘‘Hóa đơn bán lẻ’’ hoặc nộp thuế khoán nên chỉ cung cấp được giá thanh toán (đã có thuế),chưa cung cấp được giá kê khai thuế (giá chưa có thuế - giá cơ bản).*

Căn cứ vào “Hóa đơn bán lẻ” (hóa đơn này có nội dung tương tự như “Hóa đơn bán hàng”), điều tra viên ghi mức giá thanh toán vào phiếu điều tra. Giá thu thập là *giá dạng quan sát*, *đã có thuế,* vì vậy cần ghi vào cột ghi chú là giá đã có thuế VAT….% . Khi nhập tin, chương trình phần mềm sẽ quy đổi giá có thuế VAT về giá tính thuế (giá cơ bản) theo công thức.

Lưu ý: Khi thu thập giá, cần được ghi chú rõ mặt hàng thường xuyên thu thập giá có tính thuế VAT trong đó, tránh trường hợp tháng ghi, tháng không, gây ra sự nhầm lẫn khiến giá tăng, giảm bất thường, không đúng trong thực tiễn.

Ví dụ (3): Điều tra viên phỏng vấn tại một cửa hiệu uốn tóc nữ và ghi vào phiếu điều tra như sau:

Phiếu số 1.3/ĐTG.DV-CT: **Phiếu thu thập thông tin giá** **sản xuất dịch vụ của cơ sở SXKD cá thể**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại dịch vụ, quy cách phẩm cấp | Mã loại dịch vụ | Đơn vị tính | Đơn giá | Ghi chú |
| - Nhuộm tóc nữ, cả đầu, thuốc thường | 963101902 | đồng/lần | **330.000** | Có 10% thuế (thuế khoán) |

Khi nhập tin, cán bộ thống kê nhập giá thanh toán, nhập mức thuế suất **10%** để quy đổi về giá không bao gồm thuế khoán.

Theo hướng dẫn của ngành thuế, cách tính giá chưa có thuế (là giá không bao gồm thuế khoán) từ giá thanh toán như sau:

Giá chưa tính thuế (giá cơ bản) = Giá thanh toán: (1+ **10%)**

= 330.000 đồng : (1+ 0,1 ) = **300.000 đồng**

Như vậy, trong các loại giá trên, mức giá chưa tính thuế (giá cơ bản) là **300.000** đồng/lần.

Lưu ý: Chương trình sẽ lưu lại kê khai thuế suất (%) đã được khai báo đối với từng sản phẩm dịch vụ của từng cơ sở SXKD cá thể trong suốt quá trình để tính chuyển giá thanh toán về giá cơ bản.

**Trường hợp 4:** *Cơ sở điều tra giá* *dịch vụ chưa phải đóng thuế (hoặc được miễn thuế), trường hợp này giá cơ bản bằng giá thanh toán.*

Nếu cơ sở SXKD cá thể chưa nộp thuế thì phiếu thu thập giá sẽ ghi chú rõ: chưa phải đóng thuế, được miễn thuế. Lúc này, giá thanh toán bằng giá cơ bản.

**Trường hợp 5:** *Phiếu điều tra phải ghi chú rõ cơ sở điều tra có đặc điểm đóng thuế khác thường: đóng thuế khoán, không phải đóng thuế,… hoặc cơ sở điều tra có mức giá bất thường, tăng quá cao hoặc giảm quá thấp vì một số nguyên nhân...*

- Cột ghi chú của phiếu điều tra phải ghi rõ từng trường hợp như:

+ Đã có thuế khoán 10%;

+ Được miễn thuế, không phải đóng thuế;

+ Giá tăng cao vì Nhà nước điều chỉnh giá từ ngày…, giá giảm do tiền thuê cửa hàng, nhân công giảm…

- Riêng trường hợp giá tăng bất thường không có lý do phải xác minh lại:

+ Có thể lấy sai thời điểm lấy giá (không phải ngày 05 hàng tháng);

+ Có thể sai dạng quan sát, không đúng dạng quan sát kỳ trước;

+ Mức giá có thuế VAT nhưng không ghi chú nên không được quy đổi về giá cơ bản.

**Trường hợp 6:** *Dịch vụ thuộc dạng đặc thù, đơn chiếc. Có thể thu thập giá theo cách lấy giá mẫu hoặc giá thành phần.*

- Cách lấy giá mẫu: Sản phẩm làm mẫu là loại sản phẩm còn mới, chưa lạc hậu và đã được hình thành trong quá khứ. Lấy sản phẩm mẫu làm tiêu chuẩn để định giá (hoặc ước giá) cho nhiều kỳ điều tra. Mẫu có thể thay đổi sau một số kỳ điều tra.

Ví dụ (4): Trong nhóm ngành “Sản xuất phần mềm dịch vụ”, công ty phần mềm Thiên Sơn thường được đặt hàng viết chương trình phần mềm đơn chiếc. Khi tìm mặt hàng lấy giá vào tháng 2/2016, doanh nghiệp chọn sản phẩm phần mềm “Hạch toán lao động và tiền lương của Tổng công ty XD xxxx” có giá 80 triệu đồng/sp để làm *giá mẫu.* Lý do là phần mềm này đơn giản, nhỏ gọn, được viết bằng ngôn ngữ lập trình SQL, có giao diện sử dụng đẹp mắt. Khi đến kỳ báo cáo tháng 5/2016, đơn vị theo thời giá *ước giá* cho sản phẩm mẫu đó vẫn là 80 triệu đồng/sản phẩm.

- Cách lấy giá thành phần: Sản phẩm được chia thành một số phần nhỏ, hoặc một số phần chủ yếu, với quy cách phẩm cấp nhất định. Giá thành phần được quan sát độc lập. Giá để tính chỉ số là giá hợp thành từ giá thành phần (có quyền số hoặc không có quyền số).

Ví dụ (5): Với dịch vụ “Sản xuất phim truyền hình nhiều tập”, mỗi phim của Trung tâm SX phim truyền hình VFC Đài truyền hình xxxx đều có yêu cầu sản xuất riêng nên việc thuê diễn viên chính, đạo diễn, trang phục, thiết kế âm thanh, ánh sáng… của mỗi phim rất khác nhau. Khi tìm mặt hàng đại diện lấy giá tháng 2/2015, trung tâm chọn phim “Đàn xxxx” làm mặt hàng đại diện. Đây là phim loại vừa (yêu cầu chất lượng ở mức độ phổ thông, không đặc biệt), khoảng 30-40 tập, tính giá thành phần từ từng loại công việc để tính giá SX cho 1 tập phim là 20 triệu đồng/tập. Đến tháng 5/2015, khi giá thuê đạo cụ tăng, giá thuê trang phục giảm… Trung tâm tính mức giá thời điểm này phải là 20,5 triệu đồng/tập.

**Trường hợp 7**: *Lãi suất ngân hàng được điều chỉnh nhiều lần trong kỳ báo cáo.*

Tính theo phương pháp giá bình quân thời gian, nghĩa là lấy số ngày phát sinh trong tháng báo cáo làm quyền số.

Ví dụ (6): Lãi suất tiền gửi ngân hàng từ ngày 5/8/2016 điều chỉnh từ 5,5%/năm lên 6,0%/năm.

Cách tính mức lãi suất tiền gửi ngân hàng nhập tin tháng 8/2016 như sau: Số ngày phát sinh trong tháng 8/2016 (31 ngày) được tính từ ngày 1/8/2016 đến ngày 31/8/2016.

Lãi suất tiền gửi ngân hàng bình quân tháng BC = [(5,5 x 4 ngày) + (6,0 x 27 ngày)] : 31 ngày = 5,9355 %/năm.

**Trường hợp 8:** *Sản phẩm dịch vụ điều tra trùng với mặt hàng trong giá tiêu dùng.*

Trong Danh mục sản phẩm dịch vụ đại diện chung của trung ương giao có 40 sản phẩm dịch vụ (trong đó có 23 sản phẩm dịch vụ y tế, giáo dục) đã điều tra trong “Phương án điều tra và báo cáo thống kê giá tiêu dùng thời kỳ 2014-2019” sẽ không phải thu thập giá. Hàng tháng, Phòng TK Thương mại căn cứ vào số liệu tổng hợp giá tiêu dùng kỳ 2 (ngày 05 hàng tháng), sao chép mức giá vào bảng giá dịch vụ. Những sản phẩm dịch vụ bán lẻ *nếu có thuế VAT, thuế khoán*, phải ghi chú lại và khai báo thuế suất vào Chương trình, chương trình sẽ quy đổi về giá cơ bản (không có thuế VAT, thuế khoán).

**Trường hợp 9**: *Điều tra giá theo tỷ lệ %*

Do tính chất đặc thù của dịch vụ, có sản phẩm dịch vụ chỉ được giao dịch, niêm yết giá theo tỷ lệ %, nên cuộc điều tra quy định giá thu thập cũng lấy theo đơn vị %, sau đó sẽ được chuyển đổi về giá trị tuyệt đối để tính chỉ số giá

Ví dụ (7): Khảo sát tại Ngân hàng thương mại cổ phần xxx, tháng 8/2015, “lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng” là 5%/năm. Do vậy, để thuận tiện cho điều tra viên, trong bảng danh mục sản phẩm điều tra, sản phẩm dịch vụ lãi suất tiền gửi cũng được quan sát giá dưới dạng %.

**Trường hợp 10**: *Sản phẩm dịch vụ điều tra tạm thời khuyết thiếu, không xuất hiện một vài tháng.*

Do yếu tố mùa vụ hoặc do tạm ngừng sản xuất kinh doanh, một số loại sản phẩm dịch vụ thuộc danh mục điều tra có thể tạm thời khuyết thiếu, không xuất hiện trong một vài tháng: Cơ sở điều tra không kinh doanh bơi lội vào mùa đông, không cho thuê hội trường tổ chức tiệc cưới mùa hè…hoặc không kinh doanh do gặp bão lũ ngập lụt, bệnh dịch gia súc gia cầm, sửa chữa nhà xưởng, giải tỏa mặt bằng…

- Kỹ thuật xử lý: *Dùng phương pháp“gán giá”*, có nghĩa là khi sản phẩm dịch vụ tạm thời không xuất hiện nên không thu thập được giá, để có số liệu của kỳ điều tra, cán bộ thống kê phải tính một mức giá có đồng xu hướng tăng giảm và gán cho loại sản phẩm dịch vụ đó.

- Tính mức giá tạm thời như sau: Gọi loại sản phẩm dịch vụ biến mất tạm thời là B.

Trước hết, tính chỉ số giá tháng báo cáo so với tháng trước của nhóm cấp 4(nhóm có dịch vụ B, tính chỉ số từ các sản phẩm dịch vụ khác trong nhóm) hoặc *nhóm sản phẩm gần gũi nhất*. Sau đó tính giá của dịch vụ B ở tháng báo cáo bằng cách lấy mức giá của dịch vụ B ở tháng trước nhân với chỉ số giá vừa tính trên. Điền mức giá mới tính được vào phiếu điều tra và nhập tin.

Công thức tổng quát như sau:



Trong đó:  là giá dịch vụ B tại tháng báo cáo;

 là giá dịch vụ B tại tháng trước;

 là chỉ số giá cá thể các loại dịch vụ j (j=1 đến n) trong nhóm cấp 4.

Nếu nhóm cấp 4 chỉ có 2 loại sản phẩm dịch vụ là A và B (trong đó B biến mất tạm thời) có thể lấy ngay chỉ số giá cá thể tháng báo cáo so với tháng trước của loại dịch vụ A để tính mức giá tháng báo cáo của dịch vụ B.

Lưu ý: Để thực hiện được phương pháp “gán giá”, yêu cầu trong nhóm cấp 4 phải có tối thiểu 02 loại sản phẩm dịch vụ được lấy giá thường xuyên và các sản phẩm dịch vụ đó đủ đại diện cho nhóm cấp 4 đang được xét đến. Điều này đòi hỏi các Cục Thống kê rà soát kĩ Danh mục sản phẩm dịch vụ đại diện của địa phương và tối đa hóa số sản phẩm dịch vụ được lấy giá thường xuyên cũng như lựa chọn đủ số đơn vị điều tra cần thiết cho mỗi loại dịch vụ trong cùng nhóm cấp 4.

Ví dụ (8):Tháng 2 tạm thời không thu thập được giá của dịch vụ D

| Mã số | Nhóm, dịch vụ | Gốc 2015 | Giá tháng 1 | Giá tháng 2 | Chỉ số giá tháng 1/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá tháng 2/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá tháng 2/2016 so với  tháng 1/2016 |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
| 5630 | Nhóm Y |  |  |  |  |  |  |
| 563090001 | Dịch vụ A | 10.000 | 11.000 | 10.000 | 110,00 | 100,00 | 90,91 |
| 563090002 | Dịch vụ B | 45.000 | 45.000 | 50.000 | 100,00 | 111,11 | 111,11 |
| 563090003 | Dịch vụ C | 50.000 | 50.000 | 55.000 | 100,00 | 110,00 | 110,00 |
| 563090004 | Dịch vụ D | 15.000 | 15.500 | 15.914 | 103,33 | 106,09 | 102,67 |
| 563090005 | Dịch vụ E | 10.000 | 10.000 | 10.000 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tính chỉ số giá của nhóm Y (cấp 4) | | | | 102,60 | 105,33 | 102,67 |

Tại tháng 2 sẽ tính chỉ số giá nhóm Y so với tháng 1 không có sự tham gia của dịch vụ D=102,67; Dùng chỉ số giá nhóm Y vừa tính được gán cho dịch vụ D để tính ra chỉ số giá tháng 2 so với gốc của dịch vụ D và của cả nhóm Y; và tính giá của dịch vụ D vào tháng 2).

**Trường hợp 11**: *Sản phẩm dịch vụ điều tra biến mất hoàn toàn tại một điểm điều tra.*

*Dịch vụ (D) hoàn toàn không thu thập được giá tại một điểm điều tra do điểm điều tra đó từ tháng t hoàn toàn không cung cấp dịch vụ D (dịch vụ D vẫn thu thập được giá tại điểm điều tra khác)*

a/Cán bộ thống kê tìm được điểm điều tra thay thế cho dịch vụ D vào tháng t: Nhấp nút thay thế đơn vị điều tra, khai báo thêm đơn vị điều tra mới và chọn dịch vụ D cho đơn vị điều tra mới này. Nếu đơn vị điều tra cũ cung cấp 02 dịch vụ trở lên nhưng chỉ có một dịch vụ hoàn toàn không thu thập được giá🡪 Cán bộ thống kê chọn đơn vị điều tra thay thế mới cung cấp tương ứng số dịch vụ như đơn vị điều tra cũ để thay thế toàn bộ đơn vị điều tra cũ.

b/ Cán bộ thống kê tìm được điểm điều tra thay thế cho dịch vụ D vào tháng t+1: Vào tháng t, cán bộ thống kê nhấp nút “gán giá” cho dịch vụ D tại điểm điều tra không thu thập được giá. Thực hiện thay thế đơn vị điều tra vào tháng t+1.

**Trường hợp 12**: *Sản phẩm dịch vụ điều tra biến mất hoàn toàn tại tất cả các điểm điều tra, phải chọn mới để thay thế.*

- Một số loại sản phẩm dịch vụ thuộc danh mục điều tra có thể biến mất hẳn. Trong trường hợp này cần tiến hành chọn loại sản phẩm dịch vụ mới thay thế loại sản phẩm dịch vụ không còn xuất hiện.

- Cách chọn loại sản phẩm dịch vụ mới thay thế như sau:

+ Chọn loại sản phẩm dịch vụ tương ứng, có quy cách, phẩm cấp *tương đối giống loại dịch vụ cũ*;

+ Có khả năng tồn tại lâu dài,có xu hướng phát triển mạnh và phổ biến trên thị trường (bước vào giai đoạn phát triển ổn định là tốt nhất).

Lưu ý: Trong thực tiễn, sản phẩm dịch vụ có thể là tạm thời biến mất, sau đó mới được xác định là biến mất hoàn toàn. Khi sản phẩm dịch vụ tạm thời biến mất, thực hiện “gán giá” cho sản phẩm dịch vụ. Tuy nhiên nên theo dõi số kì gán giá cho sản phẩm dịch vụ tạm thời biến mất vì số kì gán giá càng dài, giá được gán sẽ càng không sát với thực tiễn. Nếu dự đoán được xu hướng sẽ biến mất hoàn toàn của sản phẩm dịch vụ để thực hiện thay thế sớm sẽ tốt hơn thực hiện gán giá trong thời gian dài.

*a/ Tại tháng t-1, cán bộ thống kê biết trước được dịch vụ D1 sẽ biến mất vào tháng t và tìm được dịch vụ D1’ khá tương đồng có thể thay thế cho dịch vụ D và đã tiến hành thu thập xong giá của dịch vụ D’ tại tháng t-1🡪 Thực hiện thay thế dịch vụ bằng phương pháp “gối đầu” tại tháng t-1*

- Cán bộ thống kê: Vào Danh mục sản phẩm dịch vụ địa phương nhấp nút thay thế SP dịch vụ 🡪 Chương trình sẽ hỏi sẽ thực hiện thay thế SP dịch vụ bằng phương pháp “gối đầu” hay “gán giá” 🡪 Chọn phương pháp “gối đầu”🡪 Chọn tháng thay thế là tháng t-1.

- Chương trình thực hiện: Thay thế bằng dịch vụ D1’ bằng phương pháp “gối đầu” vào tháng 2: phương pháp thay thế “gối đầu” cho phép nhập giá dịch vụ D1’ vào tháng t-1= tháng 2.

Ví dụ (9):

| Mã số | Nhóm, dịch vụ | Giá tháng 1 | Giá tháng 2 | Giá tháng 3 | Chỉ số giá tháng 1/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá tháng 2/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá tháng 3/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá tháng 2/2016 so với  tháng 1/2016 | Chỉ số giá tháng 3/2016 so với  tháng 2/2016 |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
| 563090004 | Nhóm D |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 56309000401 | Dịch vụ D1 | 15.500 | 16.000 |  | 110,71 | 114,29 |  | 103,23 |  |
| 563090004011 | Dịch vụ D1' |  | 16.500 | 17.000 |  |  | 117,75 |  | 103,03 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tính chỉ số giá của nhóm D | | |  | 110,71 | 114,29 | 117,75 | 103,23 | 103,03 |

Lưu ý: Đối với nhóm D chỉ có 01 sản phẩm dịch vụ D1, khi sản phẩm D1 chuẩn bị hoàn toàn biến mất, điều tra viên thu thập giá của cả D1 và D1’ để thực hiện thay thế bằng phương pháp gối đầu.

*b/ Tại tháng t, cán bộ thống kê tìm được dịch vụ D’ khá tương đồng có thể thay thế cho dịch vụ D và tiến hành thu thập xong giá của dịch vụ D’ tại tháng t🡪 Thực hiện thay thế dịch vụ bằng phương pháp “gán giá” tại tháng t*

- Cán bộ thống kê: Vào Danh mục sản phẩm dịch vụ địa phương nhấp nút thay thế SP dịch vụ 🡪 Chương trình sẽ hỏi sẽ thực hiện thay thế SP dịch vụ bằng phương pháp “gối đầu” hay “gán giá”🡪 Chọn phương pháp “gán giá”🡪 Chọn tháng thay thế là tháng t.

- Chương trình thực hiện: Tháng t=tháng 2, Dịch vụ D1 bị biến mất hoàn toàn, thực hiện thay thế bằng dịch vụ D1’ bằng phương pháp “gán giá” vào tháng 2: phương pháp “gán giá” cho phép nhập giá dịch vụ D1’ vào tháng t= tháng 2.

Ví dụ (10):

| Mã số | Nhóm, dịch vụ | Giá tháng 1 | Giá tháng 2 | Giá tháng 3 | Chỉ số giá tháng 1/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá tháng 2/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá tháng 3/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá tháng 2/2016 so với  tháng 1/2016 | Chỉ số giá tháng 3/2016 so với  tháng 2/2016 |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
| 563090004 | Nhóm D |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 56309000401 | Dịch vụ D1 | 15.500 |  |  | 110,71 |  |  |  |  |
| 56309000402 | Dịch vụ D2 | 18.500 | 19.000 | 19.000 | 102,78 | 105,56 | 105,56 | 102,70 | 100,00 |
| 563090004011 | Dịch vụ D1' |  | 16.500 | 17.000 |  | 113,71 | 117,15 | 102,70 | 103,03 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tính chỉ số giá của nhóm D | | |  | 106,67 | 109,56 | 111,20 | 102,70 | 101,50 |

**Trường hợp 13:** *Dịch vụ mới xuất hiện và trở thành phổ biến, cần đưa vào “rổ”dịch vụ đại diện.*

Khi một sản phẩm dịch vụ mới xuất hiện và trở lên phổ biến *cần đưa sản phẩm này vào “rổ”* để tính toán.

Ví dụ (11):

| Mã số | Nhóm, dịch vụ | Giá tháng 1 | Giá tháng 2 | Giá tháng 3 | Chỉ số giá tháng 1/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá tháng 2/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá tháng 3/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá tháng 2/2016 so với  tháng 1/2016 | Chỉ số giá tháng 3/2016 so với  tháng 2/2016 |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
| 563090004 | Nhóm D |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 56309000401 | Dịch vụ D1 | 15.500 | 16.000 | 16.000 | 110,71 | 114,29 | 114,29 | 103,23 | 100,00 |
| 56309000402 | Dịch vụ D2 | 18.500 | 19.000 | 19.500 | 102,78 | 105,56 | 108,33 | 102,70 | 102,63 |
| 56309000403 | Dịch vụ D3 |  | 61.000 | 61.500 |  | 109,83 | 110,73 | 102,96 | 100,82 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tính chỉ số giá của nhóm D | | |  | 106,67 | 109,83 | 111,09 | 102,96 | 101,14 |

Yêu cầu dịch vụ mới đưa vào “rổ” để tính toán phải thuộc một nhóm cấp 5 có sẵn trong cấu trúc chỉ số giá dịch vụ. Khi gặp trường hợp này, Cục Thống kê thông báo ngay với Tổng cục Thống kê để được hướng dẫn cách xử lý cụ thể, tránh không để dịch vụ mới xuất hiện và trở thành phổ biến trong thời gian dài chưa được đưa vào rổ dịch vụ đại diện.

Ngoài sản phẩm dịch vụ đại diện ‘‘Chụp ảnh làm thẻ, in 4 ảnh 4x6 cm’’ có mã loại dịch vụ 9 chữ số là 742002103, tỉnh A bổ sung thêm một sản phẩm dịch vụ ‘‘Chụp ảnh trong nhà (chụp ảnh trong cửa hiệu) rất phổ biến tại địa phương, cách ghi mã số cho loại dịch vụ mới này được bổ sung như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Loại dịch vụ, quy cách phẩm cấp | Mã loại dịch vụ (9 chữ số) | Đơn vị tính | Ghi chú |
| Chụp ảnh làm thẻ, in 4 ảnh 4x6 cm | 742002103 | đồng/kiểu |  |
| *Chụp ảnh trong nhà, in 1 ảnh 10x15 cm* | ***742002104*** | *đồng/kiểu* | ***Bổ sung*** |

**Trường hợp 14:** *Đơn vị**điều tra không tồn tại trên thị trường.*

Trường hợp này thường xảy ra khi điều tra viên đến doanh nghiệp điều tra để thu thập giá thì phát hiện ra đơn vị điều tra đã chuyển đổi sang ngành kinh doanh khác, không kinh doanh dịch vụ, hoặc phá sản, giải thể…Như vậy phải chọn đơn vị điều tra khác thay thế.

*Cách xử lý:*

- Báo cáo về Cục Thống kê địa phương;

- Cục Thống kê căn cứ vào danh sách đơn vị điều tra giá dịch vụ dự phòng của tỉnh để chọn đơn vị điều tra mới thay thế sao cho đủ cả về số lượng đơn vị điều tra cũng như sản phẩm dịch vụ đại diện;

- Chuẩn bị và tiến hành điều tra đơn vị mới được thay thế.

*Nguyên tắc chọn đơn vị điều tra thay thế:*

- Đơn vị điều tra thay thế phải đảm bảo đủ số lượng sản phẩm dịch vụ tương ứng cần điều tra giá như đơn vị điều tra cũ, cũng như đảm bảo về loại đơn vị điều tra giống như đơn vị điều tra cũ (cùng là doanh nghiệp hoặc đơn vị sự nghiệp hoặc cơ sở SXKD cá thể);

- Nếu một đơn vị điều tra được chọn thay thế chưa đủ số lượng sản phẩm dịch vụ cần thiết thì phải giao những sản phẩm dịch vụ còn lại cho đơn vị điều tra khác trong mạng lưới điều tra. Trường hợp không giao được thì chọn thêm đơn vị điều tra;

- Mã số của đơn vị điều tra mới sẽ là mã số tiếp theo trong danh sách đơn vị điều tra tương ứng cùng loại. Ví dụ doanh nghiệp điều tra bị loại ra là mã 10, mã số cuối cùng của các doanh nghiệp điều tra có trong danh sách là mã 22 thì mã số của doanh nghiệp mới thay thế đó là mã số tiếp theo (mã số 23) thay cho mã doanh nghiệp số 10 bị loại ra.

**3. Quy trình tổng hợp**

Trong phương án này, sử dụng 2 công thức chính là công thức Jevons (bình quân nhân giản đơn – áp dụng ở cấp không có quyền số) và công thức Laspeyres nhân (bình quân nhân gia quyền – áp dụng ở cấp có quyền số).

Quy trình tổng hợp giá bình quân

- Do các sản phẩm dịch vụ rất đa dạng, ở các tỉnh khác nhau các sản phẩm dịch vụ có quy cách, phẩm cấp khác nhau nên giá bình quân chỉ có ý nghĩa ở phạm vi cấp tỉnh và được tính toán cho từng sản phẩm dịch vụ ở tất cả các điểm điều tra giá.

- Giá bình quân được tính theo tỉnh và theo tháng báo cáo.

Quy trình tổng hợp chỉ số giá

- Chỉ số giá cấp tỉnh đầu tiên được tính toán ở cấp mặt hàng, sau đó được sử dụng để tính chỉ số giá nhóm cấp 5. Tiếp tục sử dụng chỉ số giá cấp dưới để tính toán chỉ số giá cấp cao hơn (cấp 4).

- Sử dụng quyền số dọc cấp tỉnh để tính toán chỉ số giá cấp trên của tỉnh (cấp 3, cấp 2, cấp 1 và chỉ số giá chung).

- Chỉ số giá cấp tỉnh được tổng hợp theo tháng, sử dụng chỉ số giá cấp tỉnh theo tháng và quyền số ngang và quyền số dọc tương ứng để tính chỉ số giá vùng/cả nước theo tháng, quý, bình quân 6 tháng, 9 tháng, năm.

Cụ thể, phương pháp tính giá và chỉ số giá sản xuất dịch vụ cấp tỉnh, vùng và cả nước như sau:

*a/ Tính giá và chỉ số giá tháng*

* Tính giá và chỉ số giá tháng cấp tỉnh

Tổng hợp giá bình quân để làm cơ sở dữ liệu tính chỉ số giá cấp thấp nhất (cấp mặt hàng) trong các tháng báo cáo.

**Bước 1:** Áp dụng công thức Jevons để tính giá bình quân (theo phương pháp bình quân nhân giản đơn) cho từng mặt hàng trong tháng báo cáo như sau:

 (1)

*Trong đó*: là giá bình quân tháng báo cáo (t) của sản phẩm dịch vụ i   
 (i=1,2,3...,367);

Pi,j làgiá của sản phẩm dịch vụ i tại điểm điều tra j;

n là số điểm điều tra giá của sản phẩm dịch vụ i được thu thập   
 trong tháng báo cáo.

Ví dụ (14): Giả sử tỉnh A điều tra giá “dịch vụ bảo vệ cá nhân” tại 2 doanh nghiệp như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Sản phẩm dịch vụ | Mã số | Đơn vị tính | Doanh nghiệp 1 | Doanh nghiệp 2 | Giá bình quân tháng 10/2016 |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 |
| ***+ Dịch vụ vệ sĩ*** |  |  |  |  |  |
| - Dịch vụ vệ sĩ (loại 1) | 801000201 | đồng/ngày | 200.000 | 220.000 | **209.761,77** |
| - Dịch vụ vệ sĩ (loại 2) | 801000202 | đồng/tháng | 2.500.000 | 2.600.000 | **2.549.509,76** |

Giá dịch vụ bình quân tháng 10 năm 2016 được tính toán như sau:

= 209.761,77 (đồng/ngày*)*

= 2.549.509,76 (đồng/tháng)

**Bước 2:** Tính chỉ số giá cá thể các sản phẩm dịch vụ tháng báo cáo so với tháng trước

Chỉ số giá cá thể các sản phẩm dịch vụ tháng báo cáo so với tháng trước được tính từ giá bình quân của từng sản phẩm dịch vụ tháng báo cáo chia cho giá bình quân của sản phẩm dịch vụ tương ứng tháng trước, theo công thức sau:

 (2)

*Trong đó:* là chỉ số giá cá thể sản phẩm dịch vụ i của tháng báo cáo (t) so với tháng trước (t-1);

là giá bình quân tháng báo cáo (t) của sản phẩm dịch vụ i;

là giá bình quân tháng trước (t-1) của sản phẩm dịch vụ i.

Ví dụ (15): Chỉ số giá cá thể tháng 11/2016 so với tháng 10/2016 cho từng sản phẩm dịch vụ trong nhóm “Dịch vụ bảo vệ cá nhân” được tính toán như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Sản phẩm dịch vụ | Mã số | Đơn vị tính | Giá bình quân tháng 10/2016 | Giá bình quân tháng 11/2016 | Chỉ số giá cá thể |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=2/1 |
| ***+ Dịch vụ vệ sĩ*** |  |  |  |  |  |
| - Dịch vụ vệ sĩ (loại 1) | 801000201 | đồng/ ngày | 209.761,77 | 210.000,00 | 100,11 |
| - Dịch vụ vệ sĩ (loại 2) | 801000202 | đồng/ tháng | 2.549.509,76 | 2.600.000,00 | 101,98 |





**Bước 3:** Tính chỉ số giá nhóm cấp 5 tháng báo cáo so với tháng trước

Chỉ số nhóm cấp 5 tính từ các chỉ số cá thể cấp mặt hàng (trong nhóm cấp 5) theo công thức bình quân nhân giản đơn dưới đây:

**** (3)

*Trong đó:* là chỉ số giá nhóm cấp 5 tháng báo cáo (t) so với tháng trước (t-1);

là chỉ số giá cá thể của các mặt hàng đại diện i trong nhóm cấp 5   
 tháng báo cáo (t) so với tháng trước (t-1);

n là số mặt hàng đại diện tham gia tính chỉ số giá nhóm cấp 5.

Ví dụ (16): Chỉ số giá cá thể nhóm “Dịch vụ vệ sĩ” tháng 11/2016 (tháng báo cáo) so với tháng trước của tỉnh A được tính toán như sau:



**Bước 4:** Tính chỉ số giá nhóm cấp 5 tháng báo cáo so với kỳ gốc năm 2015 (0)

Nối chuỗi chỉ số giá tháng báo cáo so với tháng trước với các tháng liền kề để được chỉ số giá tháng báo cáo so kỳ gốc theo công thức sau:

 (4)

*Trong đó: * là chỉ số giá tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc năm 2015 (0) của nhóm cấp 5;

**là chỉ số giá tháng trước (t-1) so với kỳ gốc năm 2015 (0);

**là chỉ số giá tháng báo cáo (t) so với tháng trước (t-1) của nhóm cấp 5.

Ví dụ (17): Chỉ số giá nhóm cấp 5 tháng 11/2016 so với kỳ gốc năm 2015 của từng sản phẩm dịch vụ trong nhóm “Dịch vụ bảo vệ cá nhân” được tính toán trong bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Danh mục sản phẩm dịch vụ | Chỉ số giá nhóm cấp 5 (%) | | |
| Tháng 10/2016 so với gốc 2015 | Tháng 11/2016 so với tháng trước | Tháng 11/2016 so với gốc 2015 |
| A | 1 | 2 | 3=(1)\*(2)/100 |
| + Dịch vụ vệ sĩ | 105,00 | 101,04 | 106,09 |
| + Dịch vụ bảo vệ nhà hàng | 106,00 | 100,50 | 106,53 |

**Bước 5:** Tính chỉ số giá nhóm cấp 4 tháng báo cáo so với kỳ gốc năm 2015 (0)

Áp dụng công thức bình quân nhân giản đơn như sau:

**** (5)

*Trong đó:*  là chỉ số giá tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc năm 2015 (0) của nhóm cấp 4;

 là chỉ số giá tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc năm 2015 (0) của nhóm cấp 5

có trong nhóm cấp 4 cần tính;

n là số nhóm cấp 5 trong nhóm cấp 4 cần tính.

Ví dụ (18): Chỉ số giá nhóm cấp 4 “Dịch vụ bảo vệ cá nhân” tháng 11/2016 (tháng báo cáo) so với kỳ gốc năm 2015 của tỉnh A được tính toán như sau:



**Bước 6:** Tính chỉ số giá nhóm cấp 3 trở lên đến chỉ số giá chung của toàn tỉnh

Chỉ số giá cấp 3, cấp 2, cấp 1 và chỉ số giá chung được tính từ các chỉ số giá nhóm cấp dưới (dưới cấp cần tính) tháng báo cáo so với kỳ gốc. Áp dụng công thức bình quân nhân gia quyền với quyền số dọc tương ứng như sau:

 (6)

*Trong đó:*  là chỉ số giá tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc năm năm 2015 (0) của nhóm   
 cần tính;

 là chỉ số giá tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc năm năm 2015 (0) của   
 nhóm x (nhóm cấp dưới cấp cần tính);

 là quyền số cố định của nhóm x (nhóm cấp dưới cấp cần tính);

n là số nhóm cấp dưới (x) trong nhóm cần tính.

Ví dụ (19): Chỉ số giá cấp 1 “Hoạt động hành chính và hỗ trợ” tháng 11/2016 (tháng báo cáo) so với gốc 2015 của tỉnh A được tính toán như sau:

| Danh mục ngành kinh tế | Mã số | Quyền số (%) | Chỉ số giá tháng 11/2016 so với gốc 2015 |
| --- | --- | --- | --- |
| A | B | 1 | 2 |
| HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ HỖ TRỢ | N | 4,22 | **103,21** |
| 1. Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng | 77 | 0,82 | 103,24 |
| 2. Dịch vụ lao động và việc làm | 78 | 0,38 | 101,56 |
| 3. Đại lí du lịch, kinh doanh tour du lịch | 79 | 1,23 | 102,15 |
| 4. Điều tra, đảm bảo an toàn | 80 | 0,44 | 106,31 |
| 5. Vệ sinh công trình, cảnh quan | 81 | 0,61 | 101,34 |
| 6. Hành chính và hỗ trợ văn phòng | 82 | 0,74 | 105,58 |

 

* Tính chỉ số giá tháng cấp vùng

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ cấp vùng được tính từ chỉ số giá sản xuất của các tỉnh trong vùng được chọn vào mẫu.

**Bước 7:** Tính chỉ số giá các nhóm cấp 4 cho từng vùng

Chỉ số giá các nhóm cấp 4 cho từng vùng được tính bằng phương pháp bình quân nhân gia quyền giữa chỉ số giá nhóm cấp 4 của từng tỉnh trong vùng với quyền số ngang tương ứng. Công thức tính như sau:

 (7)

*Trong đó:*  là chỉ số giá vùng v tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc năm 2015 (0);

là chỉ số giá tỉnh j tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc năm 2015 (0);

 là quyền số cố định của tỉnh j;

m là số tỉnh trong vùng tham gia tính chỉ số.

**Bước 8:** Tính chỉ số giá cấp 3, cấp 2, cấp 1 và chỉ số giá chung từng vùng

Chỉ số giá cấp 3, 2, 1 và chỉ số giá chung của từng vùng được tính bằng phương pháp bình quân nhân gia quyền của các chỉ số giá nhóm của vùng với quyền số dọc tương ứng phân theo các nhóm ngành của vùng đó. Công thức tính như sau:

 (8)

*Trong đó:*  là chỉ số giá tháng báo cáo (t) vùng so với kỳ gốc năm 2015 (0) của   
 nhóm cần tính;

 là chỉ số giá tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc năm 2015 (0) của nhóm x   
 (nhóm cấp dưới cấp cần tính);

 là quyền số cố định của nhóm x (nhóm cấp dưới cấp cần tính);

n là số nhóm cấp dưới (x) trong nhóm cần tính.

Ví dụ (20): Chỉ số giá cấp 1 “Hoạt động hành chính và hỗ trợ” tháng 11/2016 (tháng báo cáo) so với gốc 2015 của vùng Đông Nam Bộ được tính toán như sau:

| Danh mục ngành kinh tế | Mã số | Quyền số (%) | Chỉ số giá tháng 11/2016 so với gốc 2015 |
| --- | --- | --- | --- |
| A | B | 1 | 2 |
| HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ HỖ TRỢ | N | 4,70 | **103,59** |
| 1. Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng | 77 | 0,91 | 104,24 |
| 2. Dịch vụ lao động và việc làm | 78 | 0,43 | 101,51 |
| 3. Đại lí du lịch, kinh doanh tour du lịch | 79 | 1,32 | 103,15 |
| 4. Điều tra, đảm bảo an toàn | 80 | 0,51 | 106,27 |
| 5. Vệ sinh công trình, cảnh quan | 81 | 0,71 | 101,54 |
| 6. Hành chính và hỗ trợ văn phòng | 82 | 0,82 | 104,86 |

 

* Tính chỉ số giá tháng cả nước

**Bước 9:** Tính chỉ số giá các nhóm cấp 4 cả nước

Chỉ số giá các nhóm cấp 4 cả nước được tính bằng phương pháp bình quân nhân gia quyền giữa chỉ số giá nhóm cấp 4 từng vùng với quyền số ngang tương ứng. Công thức tính như sau:



(9)

*Trong đó:*  là chỉ số giá cả nước tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc năm 2015 (0);

là chỉ số giá vùng tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc năm 2015 (0);

 là quyền số (ngang) cố định của vùng v.

Chỉ số giá cấp 4 “Dịch vụ bảo vệ cá nhân” tháng 11/2016 (tháng báo cáo) so với gốc 2015 cả nước được tính toán như sau:

| Nhóm dịch vụ cấp 4 “Dịch vụ bảo vệ cá nhân”  Mã số 8010 | Quyền số (%) | Chỉ số giá tháng 11/2016 so với gốc 2015 |
| --- | --- | --- |
| A | 1 | 2 |
| CẢ NƯỚC | 100 | **105,48** |
| 1. Vùng Đồng bằng sông Hồng | 26 | 105,65 |
| 2. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc | 2 | 101,16 |
| 3. Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung | 4 | 103,25 |
| 4. Vùng Tây Nguyên | 2 | 102,02 |
| 5. Vùng Đông Nam Bộ | 64 | 105,91 |
| 6. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long | 2 | 101,86 |





**Bước 10:** Tính chỉ số giá nhóm cấp 3, cấp 2, cấp 1 và chỉ số giá chung cả nước bằng phương pháp bình quân nhân gia quyền các chỉ số giá nhóm với quyền số dọc tương ứng phân theo các nhóm sản phẩm. Công thức tính như sau:

 (10)

*Trong đó:*  là chỉ số giá tháng báo cáo (t) cả nước so với kỳ gốc năm 2015 (0) của nhóm   
 cần tính;

 là chỉ số giá tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc năm 2015 (0) của   
 nhóm x (nhóm cấp dưới cấp cần tính);

 là quyền số cố định của nhóm x (nhóm cấp dưới cấp cần   
 tính);

n là số nhóm cấp dưới x trong nhóm cần tính.

*b/ Tính chỉ số giá quý cấp tỉnh, vùng, cả nước*

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý được tổng hợp từ chỉ số giá các tháng trong quý và được tính cho cấp tỉnh, cấp vùng và cả nước.

**Bước 11:** Tính chỉ số giá quý cấp tỉnh, vùng, cả nước so với gốc 2015

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý cấp 4, cấp 3, cấp 2, cấp 1, chỉ số giá chung cấp tỉnh, vùng, cả nước so với gốc 2015 được tính từ chỉ số giá tháng cấp tương ứng của các tháng trong quý. Công thức tính như sau:

 (11)

*Trong đó:*  là chỉ số giá quý báo cáo (t) so với kỳ gốc năm 2015 (0);

 là chỉ số giá các tháng trong quý (t) so với kỳ gốc năm 2015 (0).

*c/ Tính chỉ số giá so với gốc bất kỳ*

Công thức tổng quát:

 (12)

*Trong đó:* là chỉ số giá kỳ k cần tính so với kỳ (k-i) cần so sánh;

là chỉ số giá kỳ k so với kỳ gốc năm 2015 (0);

là chỉ số giá kỳ (k-i) so với kỳ gốc năm 2015 (0).

*d/ Tính chỉ số giá cả năm so với năm trước*

Công thức tổng quát:

 (13)

*Trong đó:*  là chỉ số giá năm báo cáo (c) so với năm trước (c-1);

 là chỉ số giá quý i của năm báo cáo (c) so với năm gốc 2015 (0);

 là chỉ số giá quý i của năm trước năm báo cáo (c-1) so với năm gốc   
 2015 (0).

*e/ Tính chỉ số giá so với kỳ gốc năm 2010 dựa vào hệ số chuyển đổi k*

Để nối chuỗi dãy chỉ số giá theo kỳ gốc năm 2015 với dãy chỉ số đã tính theo kỳ gốc năm 2010, phải tính hệ số chuyển đổi k.

- Chọn quý III/2016 làm quý gối đầu giữa hai thời kỳ. Gọi chỉ số giá quý III/2016 tính theo phương án cũ thời kỳ 2013-2015 là k1 và chỉ số giá quý III/2016 tính theo phương án mới thời kỳ 2015-2020 là k2. Lập hệ số k=k1/k2.

- Sử dụng hệ số k để nối chuỗi chỉ số giá về kỳ gốc năm 2010 theo công thức sau:

 (14)

Trong đó: là CSG nhóm i quý t so với kỳ gốc năm 2010;

là CSG nhóm i quý t so với kỳ gốc năm 2015;

 là hệ số chuyển đổi nhóm i kỳ gốc năm 2010 so với kỳ gốc năm 2015.

**4. Cách đặt tên báo cáo**

File báo cáo được chiết xuất từ chương trình máy tính và được đặt tên theo nguyên tắc:

*- Giá tháng*: gdv+mã số tỉnh + tháng báo cáo.năm báo cáo

gdv01.t12.16: là số liệu giá dịch vụ của Hà Nội (mã tỉnh Hà Nội ghi 01), tháng 12 (ghi là t12) năm 2016 (ghi là 16).

*- Chỉ số giá tháng*: csgdv+mã số tỉnh + tháng báo cáo.năm báo cáo.

csgdv01.t2.16: là số liệu chỉ số giá dịch vụ của Hà Nội (mã tỉnh Hà Nội ghi 01), tháng 2 (ghi là t2) năm 2016 (ghi là 16).

**5. Tuyển chọn điều tra viên**

Để đảm bảo thu thập giá hàng tháng với chất lượng tốt, Cục Thống kê tuyển chọn điều tra viên đảm bảo các tiêu chuẩn sau đây:

*Có sức khỏe:* Nhiệm vụ của điều tra viên phải đi thu thập giá đúng kỳ hạn, đảm bảo thu đầy đủ giá của các loại dịch vụ được phân công trong những điều kiện thời tiết, thời gian, địa điểm khác nhau. Vì vậy điều tra viên phải có sức khỏe tốt hoàn thành nhiệm vụ được giao.

*Có trình độ văn hóa:* Công việc của điều tra viên là quan sát hoạt động mua bán, khai thác so sánh và ghi chép giá quan sát đó vào phiều điều tra. Công việc này không đơn giản, đòi hỏi điều tra viên phải hiểu biết kỹ thuật điều tra giá và những quy định chặt chẽ để đảm bảo thu thập được giá theo đúng yêu cầu. Do đó, điều tra viên cần phải có trình độ văn hóa nhất định để tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, tiếp thu và nắm vững phương pháp điều tra, tính toán, ghi phiếu điều tra.

*Trung thực, có trách nhiệm cao:* Đây là phẩm chất cần thiết của điều tra viên thống kê nói chung và điều tra viên về giá nói riêng, nhằm thu thập được những số liệu thực tế đúng, đủ kịp thời. Tính trung thực, có trách nhiệm cao để bảo đảm điều tra viên không vi phạm những hành vi sai trái như không đi điều tra, tự ý đưa vào báo cáo những số liệu không đúng thực tế...

*Có khả năng giao tiếp:* Để thu thập được giá thường xuyên, chính xác, trên cơ sở nắm vững nghiệp vụ, người điều tra viên cần có thái độ đúng mực, cởi mở, tế nhị, tạo được mối quan hệ tốt với các điểm điều tra, tạo được sự hợp tác với những người bán hàng, làm cho họ hiểu được rõ mục đích của việc thu thập giá, từ đó họ sẽ vui lòng cung cấp thông tin trung thực hoặc không gây khó khăn cho người điều tra viên trong khi quan sát, lấy giá.

*Am hiểu tình hình thị trường, địa bàn điều tra:* Điều tra viên là người thông thạo về tổ chức, hoạt động mua bán, thói quen sử dụng dịch vụ địa bàn điều tra sẽ thuận lợi cho công việc thu thập giá. Điều tra viên có thể dễ dàng nhận biết những thay đổi về tình hình cung cấp dịch vụ theo đó bố trí, sắp xếp thời gian, cách làm phù hợp, hoặc phát hiện kịp thời nhưng vấn đề mới phát sinh, cần điều chỉnh, thông báo kịp thời đến cơ quan thống kê địa phương.